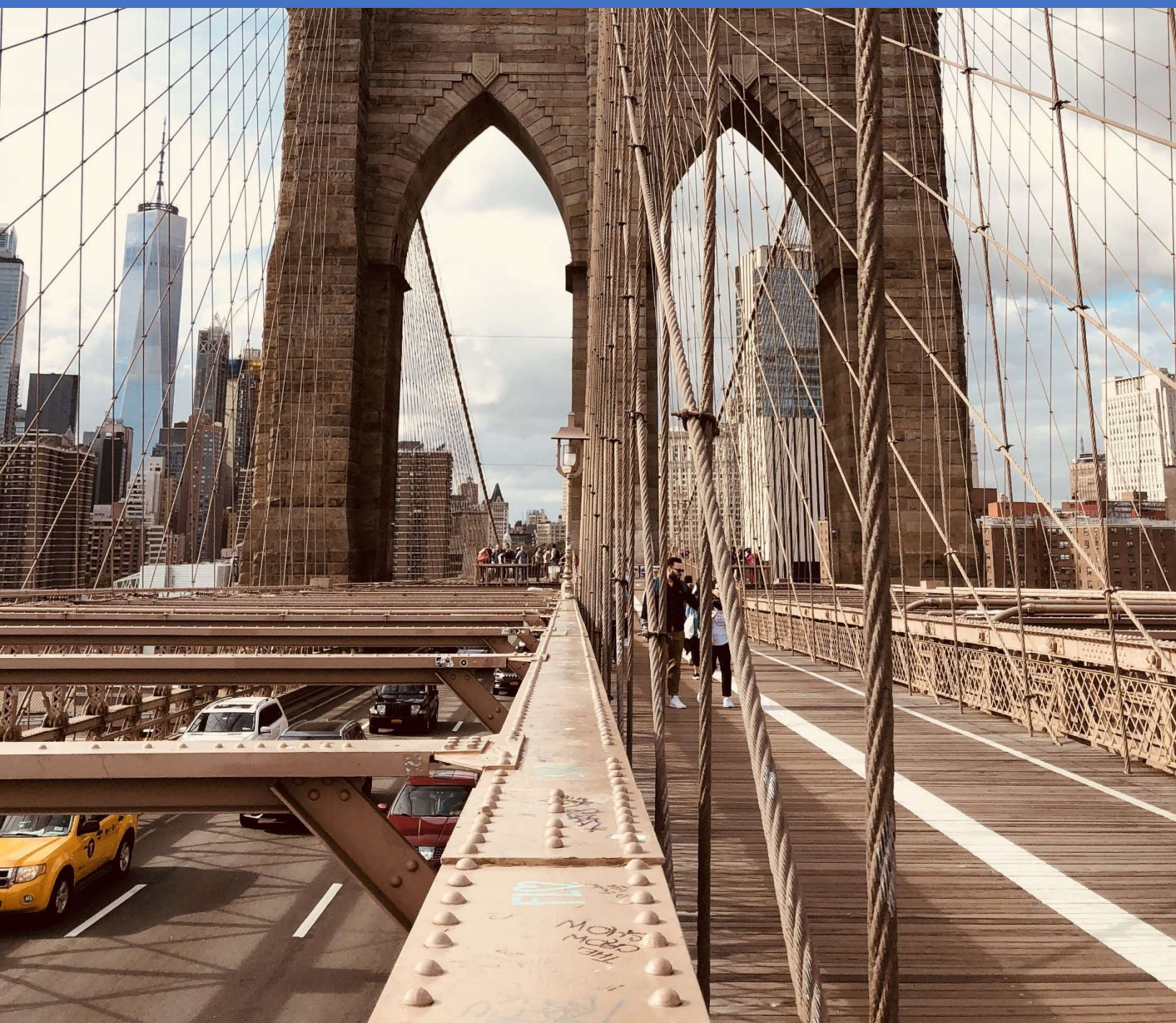


Báo cáo

THỊ TRƯỜNG THÉP

THÁNG 2/2020

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường thép trong nước và thế giới.



TÓM TẮT	03
PHẦN I: THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI	04
1. Sản lượng thép thế giới	04
2. Diễn biến xuất nhập khẩu.....	05
3. Diễn biến giá.....	10
PHẦN II: THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM.....	14
1. Sản lượng thép Việt Nam.....	14
2. Diễn biến giá	15
3. Tình hình xuất nhập khẩu.....	16
PHẦN III: HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH	17
PHẦN IV: DỰ BÁO	20
PHẦN V: CHÍNH SÁCH TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC	21
1. Chính sách các nước trên thế giới	21
2. Chính sách của Việt Nam	22
PHỤ LỤC.....	24

ĐỘI NGŨ THỰC HIỆN:

Nội dung: Nguyễn Thương, Phùng Đức Quyền

Thiết kế: Alex Chu

TÓM TẮT

Tháng 2, sản xuất thép thô toàn cầu vẫn giữ xu hướng tăng nhẹ so với cùng kì năm ngoái, đạt hơn 143 triệu tấn. Trong đó, Iran và Tây Ban Nha biến động tăng giảm sản lượng khoảng 35% so với cùng kì.

Thị trường thép Trung Quốc gần như không có hoạt động thương mại nào trong nửa đầu tháng do kì nghỉ Tết kéo dài và bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Giá thép Trung Quốc giảm rõ rệt.

Bên cạnh đó, việc Chính phủ Trung Quốc ban hành các sắc lệnh cứng rắn nhằm kiểm soát dịch bệnh (bao gồm việc phong tỏa tỉnh Hồ Bắc) khiến nguồn cung sắt thép bị gián đoạn. Nhật Bản đẩy mạnh nhập khẩu của Hàn Quốc vào tháng 2 trong khi Trung Quốc giảm một nửa so với tháng 1. Ngoài ra, công tác hậu cần gặp nhiều khó khăn khiến cước phí vận chuyển tại một số thị trường như Thổ Nhĩ Kỳ và Mỹ tăng cao, ảnh hưởng tới giá hàng hóa.

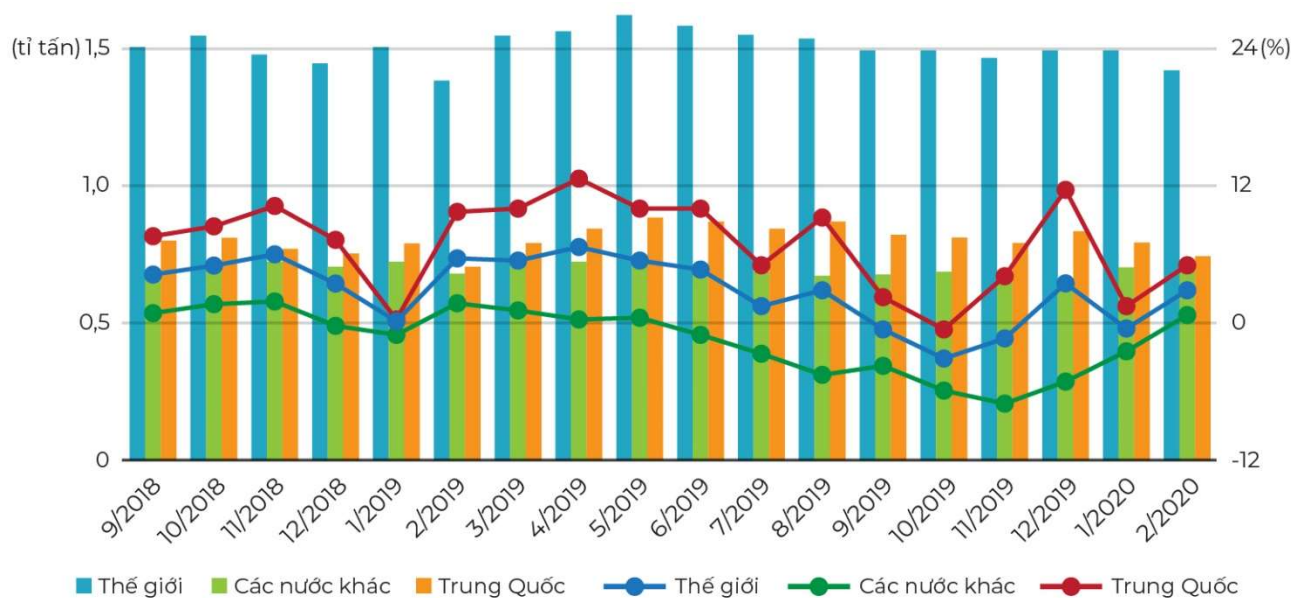
Tại Việt Nam, sản xuất thép vào tháng 2 tăng hơn 17% so với cùng kì. Tuy nhiên, lượng sắt thép xuất khẩu giảm 65%, thị trường Campuchia thay thế Trung Quốc trở thành điểm nhập khẩu lớn nhất.

Dự báo tốc độ sản xuất thép trong các tháng tới vẫn vượt quá nhu cầu, giá quặng và các loại thép vẫn nằm trong xu hướng giảm.

PHẦN I

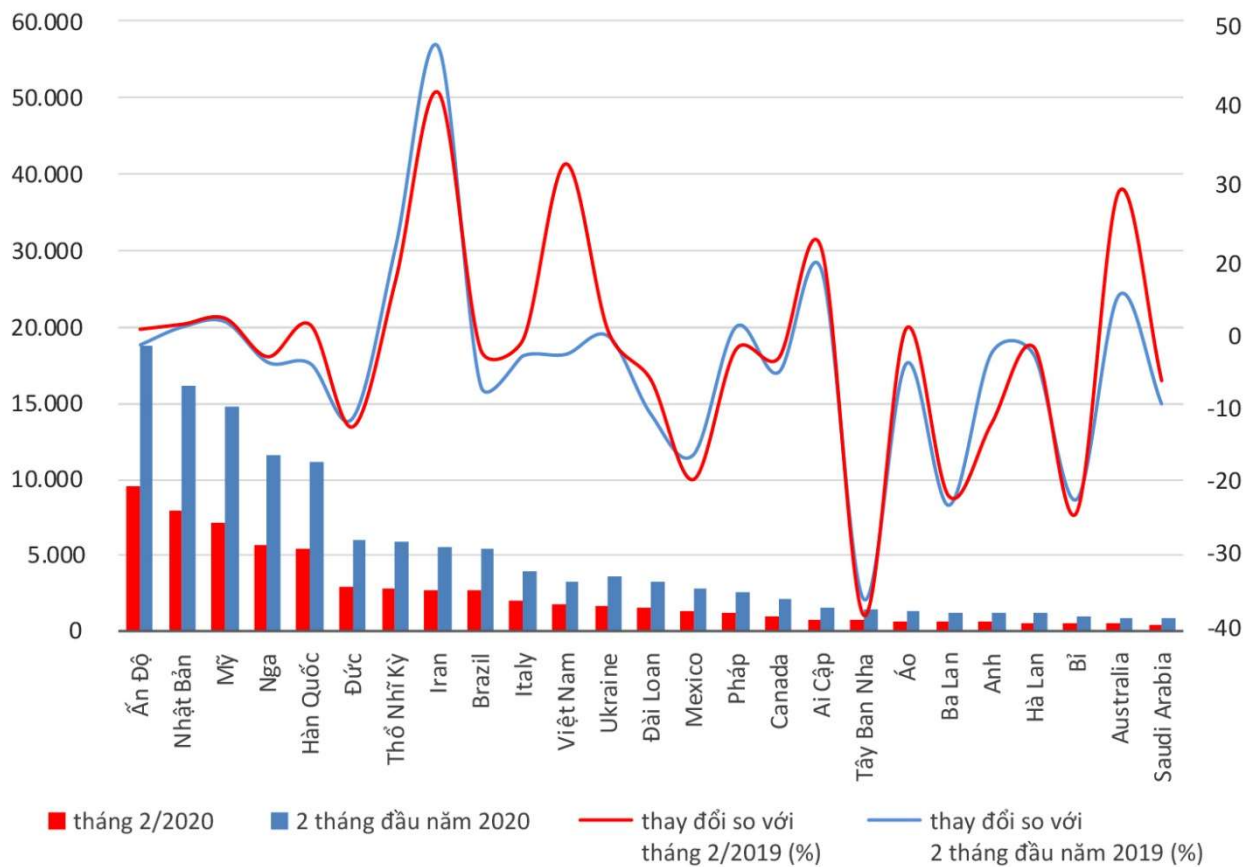
THỊ TRƯỜNG THÉP THẾ GIỚI

1. Sản lượng thép thế giới



Biểu đồ 1: Tháng 2, sản lượng thép thô thế giới của 64 quốc gia đạt trên 143,3 triệu tấn, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm ngoái (Nguồn: World Steel)

Trong tháng 2, sản lượng thép thô toàn cầu đạt 143,3 triệu tấn, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm ngoái dù diễn biến dịch virus corona (COVID-19) rất phức tạp. Cụ thể, sản lượng thép thô tại Trung Quốc tăng 5% lên 74,8 triệu tấn, Ấn Độ tăng 1,5% lên 9,6 triệu tấn, Nhật Bản tăng 2,2% lên gần 8 triệu tấn.



Biểu đồ 2: Sản xuất thép thô tại một số quốc gia lớn. (Đơn vị: 1.000 tấn/ Nguồn: Worldsteel)

Tại khối liên minh châu Âu (EU), Italy sản xuất khoảng 2 triệu tấn thép thô, tăng không đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái do chịu ảnh hưởng nặng của dịch COVID-19. Trong khi đó, Pháp tăng sản lượng lên hơn 1,2 triệu tấn, Mỹ ghi nhận 7,3 triệu tấn với mức tăng 3%. Sản lượng tại Thổ Nhĩ Kỳ và Ukraine đều tăng nhẹ lần lượt lên 2,9 và 1,7 triệu tấn. Ngược lại, Brazil giảm 1,3% còn 2,7 triệu tấn.

2. Diễn biến xuất nhập khẩu

Tình hình xuất khẩu



Trung Quốc xuất khẩu hơn 7,8 triệu tấn thép thô trong hai tháng đầu năm 2020, giảm 27% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, lượng nhập khẩu tăng 2,1% lên hơn 2 triệu tấn. Nhập khẩu quặng sắt cũng tăng 1,5% lên 176,8 triệu tấn, giá nhập khẩu trung bình khoảng 90,8 USD/tấn, tăng 15,4%.

10.000 tấn	Tháng 1-2/2020			Tháng 1-2/2019			Thay đổi so với cùng kì (%)	
	Khối lượng	Giá trị	Trung bình	Khối lượng	Giá trị	Trung bình	Khối lượng	Giá trị
Xuất khẩu thép	781,1	6.106,9	781,8	1.069,7	8.544,9	798,8	-27,0	-2,1
Nhập khẩu thép	204,1	2.077,9	1.018,1	199,8	2.387,1	1.194,7	2,1	-14,8
Nhập khẩu quặng	17.684,4	16.054,8	90,8	17.427,3	13.706,8	78,7	1,5	15,4
Nhập khẩu than	6.806,0	4.999,6	73,5	5.112,5	3.995,6	78,2	33,1	-6,0

Bảng 1: Dữ liệu xuất/nhập khẩu các sản phẩm thép của Trung Quốc trong hai tháng đầu năm.
(Đơn vị : 10.000 tấn – triệu USD/Nguồn: Nguyễn Thương tổng hợp từ SteelHome)

Hàng tồn kho (10.000 tấn)	Loại thép	26/02/2020	Thay đổi so với cuối tháng 1	Tăng/giảm (%)	Thay đổi so với cùng kì 2019	Tăng/giảm (%)
Thị trường chung	Thép thanh	1.152,24	441,38	62,1	245,08	27,0
	Dây cuộn	478,76	200,82	72,3	105,53	28,3
Tại các nhà máy	Thép thanh	968,04	546,55	129,6	608,91	169,5
	Dây cuộn	421,49	156,94	177,8	285,70	210,3
Tổng	Thép thanh	2.120,28	987,93	87,2	853,99	67,4
	Dây cuộn	900,25	357,76	65,9	391,23	76,8

Bảng 2: Tồn kho một số loại thép Trung Quốc tại ngày 26/2. (Nguồn: SteelHome)

Theo dữ liệu của SteelHome, sản lượng thép thanh của 157 doanh nghiệp thép xây dựng đạt 16,3 triệu tấn, giảm 880.000 tấn (5,4%) so với tháng 1; thép dây cuộn đạt 7,8 triệu tấn, giảm 10.000 tấn (2,8%). Lũy kế hai tháng đầu năm, Trung Quốc sản xuất gần 44 triệu tấn thép thanh, giảm 2,2% so với năm trước.

Tại ngày 20/2, tồn kho thép cuộn cán nóng (HRC) tại thị trường nội địa lên tới 3,8 triệu tấn, tăng 1,6 triệu tấn so với tháng 1; tổng tồn kho tại các nhà máy thép hơn 1,4 triệu tấn, tăng 633.800 tấn. Thống kê lượng tồn kho tại Trung Quốc đạt trên 530,6 triệu tấn, tăng 232.000 tấn so với tháng 1.

Hàng tồn kho của 5 sản phẩm thép trên thị trường nội địa và các nhà máy tính đến ngày 27/2 đạt 41,4 triệu tấn, tăng 148,6% so với cùng kì năm ngoái, tăng 58,5% so với mức đỉnh năm 2019 và 59% so với đỉnh năm 2018. Trong đó, tồn kho thép cuộn cán nguội (CRC) đạt 1,74 triệu tấn, tăng gần 35% so với tháng 1; tồn kho thép thanh và thép dây cuộn đạt 21,2

triệu tấn và 9 triệu tấn, tăng 87% và 66% so với cuối tháng 1, cao hơn nhiều so với lượng tồn kho bình thường.

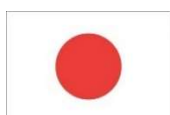
Giao dịch hàng ngày của sản phẩm thép cây, cuộn cán nóng và thép tấm loại trung bình tính đến hết ngày 27/2 đạt lần lượt 14.500 tấn, 10.500 tấn và 8.200 tấn, tương ứng 18%, 47,4% và 39% lượng giao dịch hàng ngày năm 2019.

Tổng khối lượng hàng tồn kho tăng 2,42 lần so với cuối tháng 1. Tỷ lệ vận hành lò cao (BF) của các nhà máy thép lớn của Trung Quốc là 82% (tính theo công suất), giảm gần 5,6 điểm phần trăm so với cuối tháng 1. Tỷ lệ hoạt động của các nhà máy sử dụng lò hồ quang (EAF) đạt 21,8% (theo công suất), giảm 0,54 điểm %.

Theo dữ liệu từ Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Trung Quốc (CAAM), sản lượng xe trong tháng 1 ước tính 1,7 triệu tấn, giảm gần 25% so với cùng kỳ năm ngoái, sản lượng bán ra đạt 1,9 triệu tấn, giảm 18%.

Nhu cầu và sức tiêu thụ ô tô trong tháng 2 giảm đáng kể, tiến độ sản xuất của các doanh nghiệp gặp khó khăn. Ngoài ra, họ phải đối mặt với các thách thức lớn về xuất khẩu, nguồn vốn, những tiêu chuẩn và quy định. Theo đó, sản lượng xe và doanh số dự báo sẽ sụt giảm.

Việc phòng ngừa và kiểm soát dịch COVID-19 khiến vận chuyển hàng hoá tại Trung Quốc không thuận lợi, đặc biệt vận tải đường bộ có thể chịu tác động khá lớn. Cuối tháng 2, giao thông vận tải trên cả nước dần hồi phục, do đó lượng tồn kho vẫn tiếp tục tăng trong tháng 3 nhưng sẽ được giải phóng dần.



Nhật Bản xuất khẩu hơn 2,9 triệu tấn sắt thép trong tháng 2, tăng 5% so với tháng 1 và 27,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế hai tháng đầu năm, tổng xuất khẩu tăng 20,5% lên 5,8 triệu tấn.

Tính riêng tháng 2, xuất khẩu sang Hàn Quốc tăng 30% so với cùng kỳ lên gần 433.000 tấn, Trung Quốc tăng 11% lên 426.302 tấn, Đài Loan tăng gấp đôi lên 254.433 tấn, Thái Lan tăng 11,2% lên 426.312 tấn, Mỹ giảm 14,5% còn 78.235 tấn.

1.000 tấn	Tháng 2/2020			Tháng 1/2020	Lũy kế tháng 1-2/2020	
	Khối lượng	Thay đổi so với tháng 1 (%)	Thay đổi so với cùng kỳ 2019 (%)		Khối lượng	Thay đổi so với cùng kỳ 2019 (%)
Sản lượng gang	5.950,9	▼ 8,0	▲ 5,9	6.467,2	12.418,1	▲ 6,5
Sản lượng thép thô	7.915,6	▼ 4,0	▲ 2,2	8.244,2	16.159,9	▲ 1,7
- Lò thổi	5.976,2	▼ 7,7	▲ 5,4	6.472,9	12.449,2	▲ 5,5
- Lò hồ quang	1.939,4	▲ 9,5	▼ 6,4	1.771,3	3.710,7	▼ 9,2
- Phôi thép dạng thường	6.072,5	▼ 4,4	▲ 5,9	6.349,4	12.421,9	▲ 4,7
- Phôi thép đặc biệt	1.815,0	▼ 2,9	▼ 8,5	1.869,0	3.684,1	▼ 7,0
Sản phẩm HRC	6.878,7	▼ 3,0	▼ 0,9	7.090,6	13.969,3	▼ 3,8

Bảng 3: Sản lượng một số sản phẩm thép của Nhật Bản. Nguồn: Hiệp hội Sắt thép Nhật Bản.



Hàn Quốc xuất khẩu hơn 36.476 tấn thép bán thành phẩm trong tháng 2, giảm 27% so với tháng 1 nhưng tăng 37% so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu dây thép cứng cũng

giảm 9,3% so với cùng kỳ còn 6.252 tấn.

Xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 31,7% còn 819 tấn; lượng sản phẩm chuyển sang Thái Lan, Nhật Bản giảm tương ứng 47% và 33,7% còn 807 tấn và 597 tấn, trong khi sang Việt Nam giảm 56% còn 518 tấn.

Tình hình xuất khẩu thép của Hàn Quốc trong tháng 2/2020:



Tình hình nhập khẩu



Trung Quốc nhập khẩu hơn 2 triệu tấn thép các loại trong hai tháng đầu năm, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, các sản phẩm thép tấm phẳng được nhập về hơn 1,7 triệu tấn.

	Tháng 1-2/2020		Tháng 1-2/2019		Thay đổi (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (10.000 USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (10.000 USD)	Khối lượng	Giá trị
Các sản phẩm thép	2.040.539,9	207.790,4	1.997.828,5	238.726,4	▲ 2,1	▼ 13,0
- Thép thanh và dây cuộn	193.683,2	25.708,8	158.227,8	25.599,5	▲ 22,4	▲ 0,4
- Thép góc và thép hình	35.815,4	3.172,8	41.576,9	4.048,8	▼ 13,9	▼ 21,6
- Thép tấm	1.726.549,9	142.475,4	1.709.919,7	168.814,5	▲ 1,0	▼ 15,6
- Ống thép	52.557,2	17.945,5	52.550,8	18.797,7	0,0	▼ 4,5
- Thép đường sắt	2.316,7	473,8	4.023,5	856,4	▼ 42,4	▼ 44,7
- Các loại khác	29.617,6	18.014,0	31.529,9	20.609,4	▼ 6,1	▼ 12,6

Bảng 4: Nhập khẩu chi tiết các sản phẩm thép của Trung Quốc trong hai tháng đầu năm.

(Nguồn: SteelHome)



Mỹ: Viện Sắt thép Mỹ (AISI) công bố, quốc gia này nhập khẩu ròng 1,5 triệu tấn thép vào tháng 2, bao gồm 1,34 triệu tấn thép thành phẩm, giảm lần lượt 52,2% và 18,4% so với tháng 1.

Trong hai tháng đầu năm, nhập khẩu ròng thép đạt 4,65 triệu tấn và thép thành phẩm là 2,99 triệu tấn, giảm tương ứng 21,3% và 28,7% so với cùng kỳ năm ngoái. AISI ước tính,

nhập khẩu ròng thép cả năm 2020 đạt 27,9 triệu tấn, không thay đổi nhiều so với năm 2019, nhưng lượng nhập khẩu thép thành phẩm có thể giảm 14,7% xuống còn 18 triệu tấn.

Tỉ lệ nhập khẩu thép thành phẩm ước đạt 15% trong tháng 2 và 16% trong hai tháng đầu năm 2020. Đáng chú ý, Mỹ đẩy mạnh nhập khẩu các sản phẩm thép hình cỡ lớn (tăng 57% so với tháng 1), tấm thiếc (tăng 15%) và ống cơ học (tăng 12%).

Khối lượng nhập khẩu thép thành phẩm chủ yếu từ một số quốc gia bao gồm: Hàn Quốc đạt 158.000 tấn (giảm 13% so với tháng 1), Thổ Nhĩ Kỳ khoảng 73.000 tấn (tăng 44%), Nhật Bản với 69.000 tấn (tăng 7%), Brazil khoảng 37.000 tấn (giảm 58%).

Lũy kế hai tháng đầu năm, Mỹ nhập 340.000 tấn thép từ Hàn Quốc (giảm 38% so với cùng kỳ năm 2019), Nhật Bản 146.000 tấn (giảm 37%), Brazil 126.000 tấn (giảm 16%), Thổ Nhĩ Kỳ 124.000 tấn (tăng 23%) và Đức 100.000 (giảm 54%).



Hàn Quốc:

340.000 tấn (▼38%)



Nhật Bản:

146.000 tấn (▼37%)



Brazil:

126.000 tấn (▼16%)



Thổ Nhĩ Kỳ:

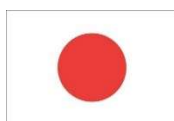
124.000 tấn (▲23%)



Đức:

100.000 tấn (▼54%)

Tình hình nhập khẩu thép của Mỹ trong tháng 1-2/2020



Nhật Bản nhập khẩu 577.799 tấn sắt thép trong tháng 2, giảm 26,3% so với tháng 1 và 22% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, nhập khẩu từ Hàn Quốc 286.777 tấn, Trung Quốc khoảng 76.021 tấn, Đài Loan với 69.905 tấn.



Hàn Quốc nhập khẩu 4.415 tấn dây thép cứng trong hai tháng đầu năm, giảm 53% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhập khẩu từ Trung Quốc nói riêng đã giảm tới 63,7% còn 2.547 tấn, trong khi nhập khẩu từ Nhật Bản cũng giảm mạnh 51% từ 3.827 tấn xuống còn 1.870 tấn mỗi tấn.

3. Diễn biến giá

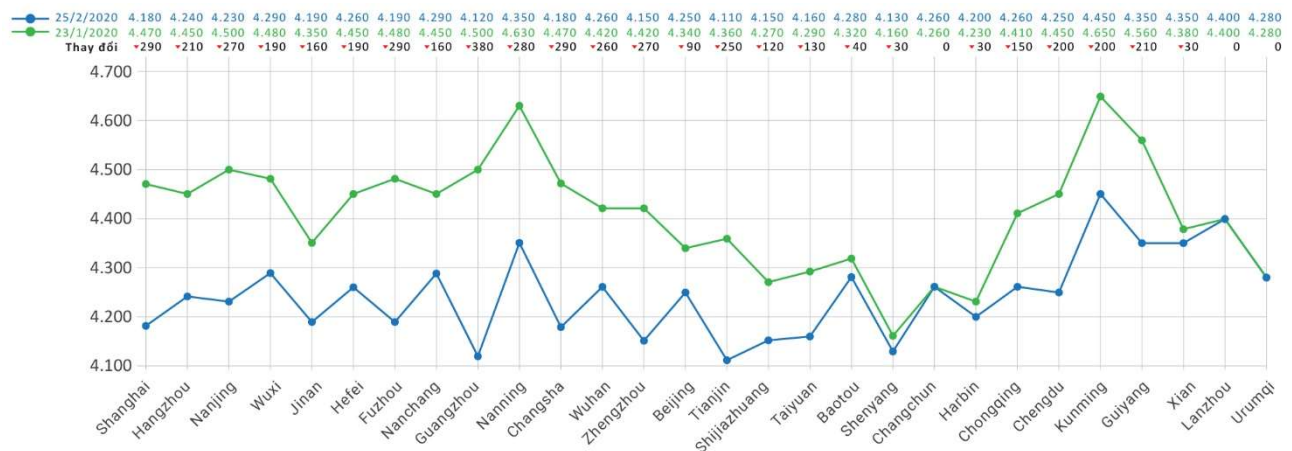


Biểu đồ 3: Giá quặng sắt tăng 10,3% trong tháng 2, từ 78,33 USD/tấn - mức thấp nhất một năm lên 86,46 USD/tấn.

Đối với thép cán nóng, giá xuất khẩu HRC FOB Biển Đen có xu hướng giảm dần vào cuối tháng 2, khoảng 465 – 485 USD/tấn. Giá phôi thép vuông 5sp/ps hoặc Q275 120/125/130mm CFR Manila cũng giảm 2,5 USD trong tuần cuối tháng 2 còn 420 USD/tấn.



Biểu đồ 4: Giá thép cuộn cán nóng tại các khu vực lớn của Trung Quốc trong tháng 2.
(Đơn vị: Nhân dân tệ/tấn/ Nguồn: SteelHome)



Biểu đồ 5: Giá thép cuộn cán nguội 1mm tại các khu vực lớn của Trung Quốc trong tháng 2.
(Đơn vị: Nhân dân tệ/tấn/ Nguồn: SteelHome)

Nhà máy	Ngày có hiệu lực	Thay đổi	Mã và kích thước thép	Giá (NDT/tấn)	Ghi chú
Baosteel	10/2/2020	0	DC51D+Z 1.0mm	6.207	Chưa thuế
Ansteel	12/2/2020	0	ST01Z 1.0mm	5.600	Chưa thuế
HBIS Group	1/3/2020	0	SGCC 1.0mm	6.180	Phôi cán nguội, gồm thuế
HBIS Group	1/3/2020	0	SGH340 3.0mm	6.100	Phôi cán nóng, gồm thuế
Pangang	21/2/2020	0	ST02Z 1.0mm	5.300	Gồm thuế

Bảng 5: Giá thép mạ của một số nhà sản xuất lớn. (Nguồn: SteelHome)

Nhân dân tệ/tấn	Sản phẩm	Mã thép	Kích thước	25/2/2020	23/1/2020	Thay đổi
Wuxi	Thép không gỉ cuộn cán nguội	304/2B	0.6mm	15.050	15.400	▼ 350
		304/2B	2.0mm	14.400	14.750	▼ 350
		430/2B	2.0mm	8.050	8.050	0
	Thép không gỉ cuộn cán nóng	304/NO.1	6.0mm	12.900	13.200	▼ 300
	Thép tấm không gỉ cán nóng	304/NO.1	10.0mm	13.700	14.000	▼ 300
Foshan	Thép không gỉ cuộn cán nguội	304/2B	0.6mm	15.500	15.800	▼ 300
		304/2B	2.0mm	14.600	14.800	▼ 200
		201/2B	2.0mm	7.400	7.400	0
		430/2B	2.0mm	8.000	8.000	0
	Thép không gỉ cuộn cán nóng	304/NO.1	3.0mm	13.100	13.400	▼ 300

Bảng 6: Giá thép không gỉ của hai khu vực lớn Trung Quốc trong tháng 2.
(Đơn vị: Nhân dân tệ/tấn/ Nguồn: SteelHome)



Biểu đồ 6: Giá thép thanh nhóm III 20mm tại các thành phố lớn Trung Quốc.

(Đơn vị: Nhân dân tệ/tấn/ Nguồn: SteelHome)

Hợp đồng tương lai thép thanh và thép cán nóng giao dịch trên Sàn giao dịch tương lai Thượng Hải dừng ở mức 3.335 nhân dân tệ/tấn và 3.377 nhân dân tệ/tấn tính đến ngày 28/2, giảm 165 NDT và 144 NDT/tấn so với trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.

Đối với thép phế liệu, giá nhập khẩu tại Ấn Độ tăng 16 USD/tấn trong tuần cuối tháng 2 lên 303,09 USD/tấn do cước phí và giá nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ tăng lên. Tương tự tại các cảng chính của Đài Loan, chi phí vận chuyển và nhập khẩu thép phế liệu HMS 1&2 (80:20) từ Mỹ tăng cao 15-20 USD lên 240 USD/tấn CFR vào ngày 21/2 so với mức 220-225 USD/tấn vào ngày 14/2.

Tại Việt Nam, mức giá dao động khoảng 260-265 USD/tấn CFR, không biến động nhiều trong tháng. Các nhà sản xuất thép của Thổ Nhĩ Kỳ cũng đặt 8 lô hàng hóa tương đương 250.000 tấn phế liệu vào tuần thứ ba của tháng 2. Trong đó, 4 lô hàng từ biển Baltic giá khoảng 276-279 USD/tấn CFR, hai lô hàng từ Mỹ với giá 280-282,5 USD/tấn và còn lại từ châu Âu khoảng 276-284 USD/tấn.

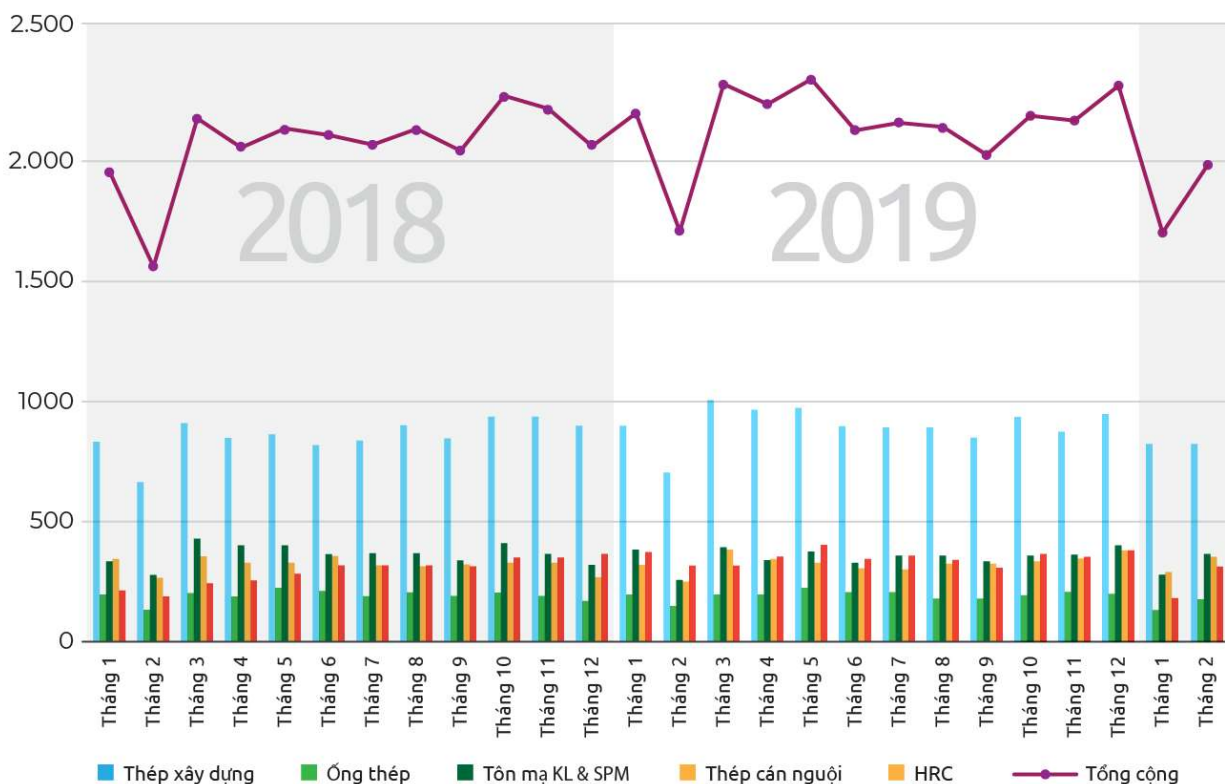


Hình ảnh **Brooklyn Bridge** - cây cầu treo đầu tiên trên thế giới làm bằng thép, kết nối hai khu của Thành phố New York là Manhattan và Brooklyn bị chia cắt bởi Sông East, được hoàn thành vào năm 1883. Cây cầu được chống đỡ bởi 4 sợi dây cáp, mỗi dây dài 3,578 feet (1,090m), dày 15,5 inches (40cm), và được dựng lên bởi 21.000 dây thép riêng lẻ. *Nguồn: customercarecontacts.com.*

PHẦN II

THỊ TRƯỜNG THÉP VIỆT NAM

1. Sản lượng thép Việt Nam



Biểu đồ 7: Tình hình sản xuất thép thành phẩm tháng 2/2020.

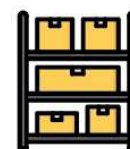
(Đơn vị: nghìn tấn/ Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam)

Sản lượng thép thô của Việt Nam trong tháng 2 đạt hơn 1,9 triệu tấn, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, bán hàng đạt hơn 1,6 triệu tấn, tăng 17,86% so với tháng 1 nhưng giảm 2,5% so với cùng kỳ năm ngoái, theo thông tin từ Hiệp hội thép Việt Nam (VSA).

Lũy kế hai tháng đầu năm, Việt Nam sản xuất hơn 3,6 triệu tấn thép thô, giảm 5,3% so với cùng kỳ. Lượng bán hàng giảm 17,8% còn gần 3 triệu tấn.

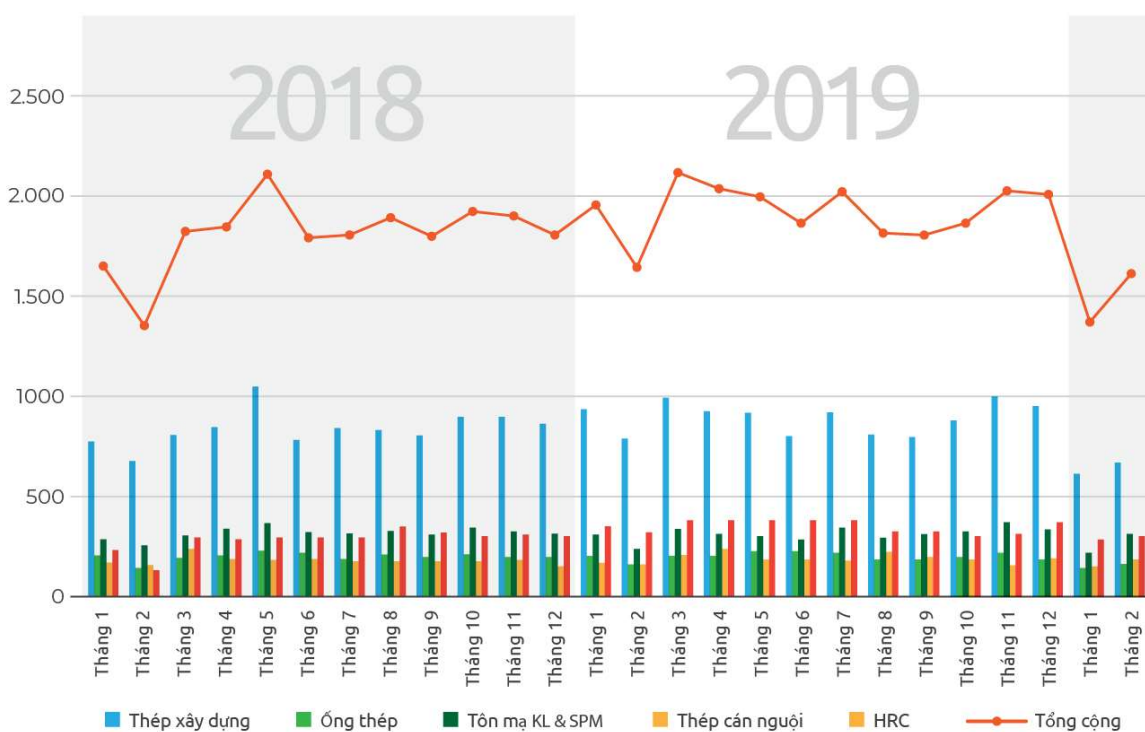


SẢN XUẤT

1,9 triệu
tấn▲ 17,1%
so với cùng kỳ
năm ngoái

BÁN HÀNG

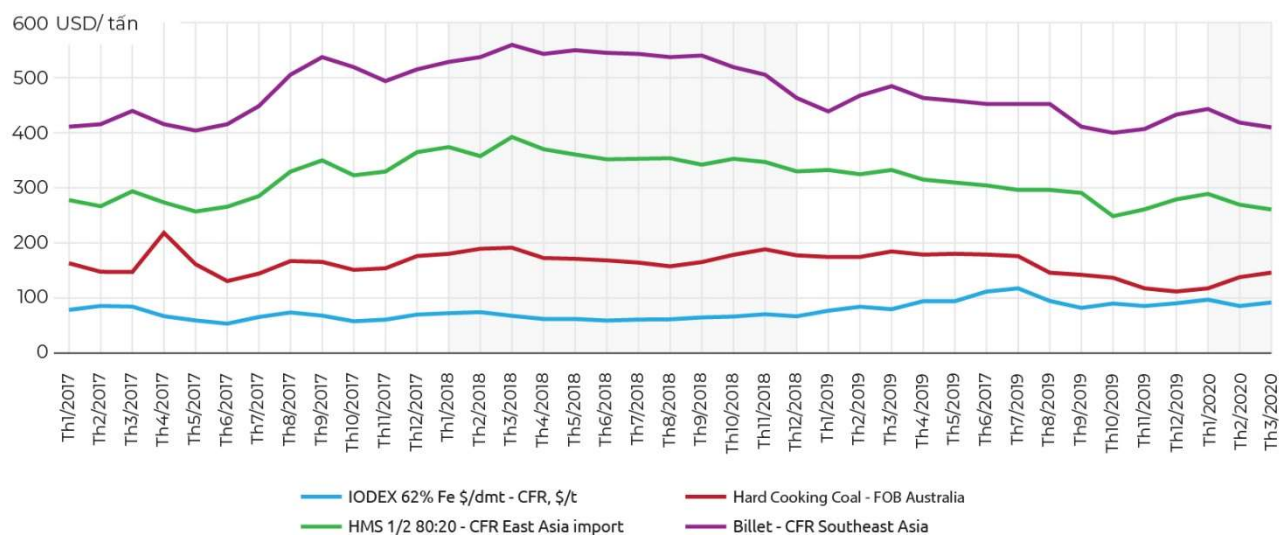
1,6 triệu
tấn▼ 2,5%
so với cùng kỳ
năm ngoái



Biểu đồ 8: Tình hình bán hàng thép thành phẩm tháng 2/2020.

(Đơn vị: nghìn tấn/ Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam)

2. Diễn biến giá



Biểu đồ 9: Biểu đồ giá nguyên liệu sản xuất thép năm 2020 (Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam)

Quặng sắt loại 62%Fe: Giá quặng sắt ngày 7/3 giao dịch 89 USD/tấn CFR cảng Thiên Tân, Trung Quốc, tăng khoảng 6 USD/tấn so với đầu tháng 2/2020.

Than mỡ luyện coke: Giá than mỡ luyện cốc, xuất khẩu tại cảng Úc (giá FOB) cùng ngày: Hard coking coal: khoảng 146 USD/tấn, tăng 8 USD/tấn so với đầu tháng 2/2020.

Thép phế liệu: Giá thép phế HMS ½ 80:20 nhập khẩu cảng Đông Á ở mức 270 USD/tấn CFR Đông Á ngày 7/3, tương đương đầu tháng 2.

Điện cực graphite: Giá than điện cực trong tháng 2/2020 tương đối ổn định. Mức giá giao dịch trung bình là khoảng 2.500 – 3.000 USD/tấn FOB Trung Quốc (loại nhỏ). Tuy nhiên, do tác động của dịch COVID-19, việc sản xuất và cung ứng than điện cực hạn chế sẽ dẫn đến giá than điện cực có xu hướng tăng trong thời gian tới.

Cuộn cán nóng HRC: Giá HRC ngày 8/3 là 459 - 460 USD/tấn CFR cảng Đông Á, giảm gần 10 USD/tấn so với ngày 8/2. Mức giá này tương đương hồi đầu năm 2019. Trong khoảng 2 năm trở lại đây, mức giá cao nhất được ghi nhận 620 USD/tấn vào đầu tháng 3/2018.

3. Tình hình xuất nhập khẩu

Việt Nam xuất khẩu 631.890 tấn sắt thép các loại trong tháng 2, nâng tổng xuất khẩu lũy kế hai tháng đầu năm lên hơn 1 triệu tấn, giảm tương ứng 60% và 65% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đáng chú ý, Campuchia thay vị trí Trung Quốc và trở thành quốc gia nhập khẩu sắt thép Việt Nam nhiều nhất trong tháng 2, đạt khoảng 125.000 tấn. Xuất khẩu sang Philippines cũng tăng mạnh từ 11.000 tấn trong tháng 1 lên 47.529 tấn vào tháng 2. Tổng kim ngạch xuất khẩu tháng 2 và lũy kế từ đầu năm đạt lần lượt khoảng 345 triệu USD và 591 triệu USD.

Bên cạnh đó, Việt Nam chủ yếu nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc với khối lượng 239.984 tấn và Nhật Bản là 215.224 tấn trong tháng 2. Trong khi đó, lượng thép nhập từ Ấn Độ giảm mạnh 57% so với tháng 1 còn hơn 93.000 tấn.

Nhìn chung, tổng nhập khẩu sắt thép từ các quốc gia lên tới hơn 1 triệu tấn, tăng 16,5% so với tháng 2/2019. Tính từ thời điểm đầu năm, Việt Nam đã nhập khẩu gần 2 triệu tấn sắt thép các loại, tương đương cùng kỳ năm ngoái. Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 2 và hai tháng đầu năm đạt lần lượt 608 triệu USD và gần 1,2 triệu USD.

PHẦN III

HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH



CTCP Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG): ngày 16/3 đã gửi đi thông cáo chính thức về ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến các mảng hoạt động của công ty.

Trong lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất thép, Hòa Phát cho biết sản lượng bán hàng tháng 3 này dự kiến sẽ tăng trưởng tốt so với tháng 2, xuất khẩu cả thép thành phẩm và phôi thép tăng trưởng và không bị phụ thuộc vào một thị trường nào cụ thể.

Chuỗi cung ứng nguyên phụ liệu cho sản xuất được dự phòng cho khoảng 3-6 tháng, tùy từng chủng loại nguyên liệu, vật tư. Hòa Phát cũng khẳng định có thể chuyển hướng sang các đối tác khác tại quốc gia chưa công bố hạn chế di chuyển hay xuất nhập hàng hóa.

Riêng dây chuyền HRC (thép cuộn cán nóng) của Khu Liên hợp Hòa Phát Dung Quất đã lắp đặt xong thiết bị nhưng quá trình chạy thử sẽ bị chậm so với kế hoạch. Nguyên nhân là các chuyên gia của Tập đoàn Danieli (Italy) không thể sang Việt Nam hỗ trợ vận hành dây chuyền vì các lệnh hạn chế đi lại giữa mùa dịch COVID-19.

Để hỗ trợ nỗ lực chống dịch tại Việt Nam, Hòa Phát đã trao tặng tổng cộng 5 tỉ đồng cho Bộ Y tế và Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương.

Cũng liên quan đến Khu Liên hợp Gang thép Dung Quất, mới đây cổ đông Tập đoàn Hòa Phát đã biểu quyết bằng văn bản và thông qua kế hoạch đầu tư 60.000 tỉ đồng vào giai đoạn mở rộng của khu liên hợp này.

Quy mô của dự án là 5 triệu tấn thép gồm 3 triệu tấn thép cuộn cán nóng (HRC), 1 triệu tấn thép hình cỡ trung, 0,5 triệu tấn thép dây cuộn chất lượng cao và 0,5 triệu tấn thép tròn cơ khí chế tạo.

Tổng đầu tư, cơ cấu nguồn của dự án dự kiến theo bảng sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng (số dự kiến)
1	Tổng đầu tư	tỉ đồng	60.000
	Vốn cố định	tỉ đồng	50.000
	Trong đó: Máy móc, thiết bị	tỉ đồng	32.000
	Xây dựng cơ bản	tỉ đồng	15.000
	Chi khác (bao gồm lãi vay vốn hóa)	tỉ đồng	3.000
	Vốn lưu động	tỉ đồng	10.000
2	Tỉ lệ tham gia Vốn tự có/ Vốn cố định		60%

Theo CTCP Chứng khoán HSC, sau khi nhận được sự chấp thuận của cổ đông, Hòa Phát sẽ trình nghị quyết lên Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi để đề nghị cấp quỹ đất mới phục vụ việc mở rộng.

Tỉnh Quảng Ngãi sẽ trình đề xuất mở rộng lên Thủ tướng đề nghị phê duyệt giấy phép dự án. Thông thường, sẽ mất 2-3 năm để được Thủ tướng phê duyệt. Dựa trên quy trình này, HSC kì vọng giai đoạn mở rộng của dự án Dung Quất sẽ được khởi công vào khoảng năm 2023.



CTCP Tập đoàn Hoa Sen (Mã: HSG): đang dự kiến phát hành gần 21,2 triệu cổ phiếu để trả cổ tức, tương ứng với tỉ lệ 5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

Nguồn vốn dùng để chi trả cổ tức sẽ lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 30/9/2019 theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán.

Ngày đăng kí cuối cùng là 24/4/2020.

Vốn điều lệ của Hoa Sen hiện nay là 4.235 tỉ đồng, dự kiến sẽ tăng lên 4.446 tỉ đồng sau đợt chia cổ tức.

Chúng tôi đã liên hệ với Hoa Sen nhưng không nhận được thêm thông tin về hoạt động sản xuất và kinh doanh tôn, thép của công ty.



Công ty cổ phần Thép Nam Kim (Mã: NKG): dự kiến tổ chức đại hội cổ đông vào ngày 25/4/2020, ngày đăng ký cuối cùng là 25/3.

Tuy nhiên do diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 và thực hiện khuyến cáo của Bộ Y tế về việc hạn chế tập trung đông người nhằm hạn chế rủi ro lây bệnh, Nam Kim đã hủy ngày đăng ký cuối cùng 25/3 đồng thời hoãn tổ chức đại hội cổ đông.

Sự kiện sẽ được tổ chức vào thời gian thích hợp do HĐQT Nam Kim quyết định sau nhưng không chậm hơn ngày 30/6/2020.

Tập đoàn Hoa sen đã tổ chức đại hội cổ đông từ ngày 13/1 (do năm tài chính của Hoa Sen kết thúc vào ngày 30/9) và không bị ảnh hưởng bởi COVID-19.

Tập đoàn Hòa Phát chưa công bố kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông.



CTCP Thép Việt Ý (Mã: VIS): dự định tổ chức đại hội cổ đông vào ngày 9/4 tuy nhiên kế hoạch này có khả năng sẽ bị hoãn lại do khoảng thời gian từ 28/3 đến 15/4 là đợt cao điểm phòng, chống dịch COVID-19.

Theo đó, Thủ tướng yêu cầu hạn chế tụ tập đông người, dừng các hoạt động hội họp, các sự kiện tập trung trên 20 người trong một phòng; không tụ tập từ 10 người trở lên ngoài phạm vi công sở, trường học, bệnh viện; yêu cầu thực hiện khoảng cách tối thiểu 2m giữa người với người tại các địa điểm công cộng.



CTCP Ống Thép Việt Đức (Mã: VGS): đã tổ chức đại hội cổ đông vào sáng 28/3 với 17 cổ đông tham dự trực tiếp và hai cổ đông ủy quyền, đại diện cho 77,6% vốn điều lệ công ty.

VG PIPE® Đại hội đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt tỉ lệ 7% mệnh giá, tương ứng mỗi cổ phiếu được nhận 700 đồng. Tổng số tiền dự chi trong đợt cổ tức này là gần 29,5 tỉ đồng. Thời gian chi trả dự kiến trong quý II hoặc quý III/2020.

Trong năm 2019, công ty đạt tổng doanh thu hợp nhất 6.855 tỉ đồng và lãi sau thuế 75 tỉ đồng.

Đại hội ngày 28/3 đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020 với tổng doanh thu 6.300 tỉ đồng và lãi sau thuế 50 tỉ đồng, giảm lần lượt 8% và 33,3% so với thực hiện năm 2019.

PHẦN IV

DỰ BÁO

Sản xuất thép tại thị trường Trung Quốc trong tháng 3 có thể giảm nhưng hàng tồn kho số lượng lớn vẫn đủ khả năng bù đắp lượng thiếu hụt. Các nhà máy thép và thương nhân đều gặp hạn chế về nguồn vốn nên sẽ đẩy nhanh việc thu hồi doanh số. Do lượng phế liệu không đủ và giá thép giảm, tổ chức SteelHome dự đoán nguồn cung thép thô tháng 3 khoảng 68,7 triệu tấn, giảm gần 8% so với cùng kì năm ngoái. Bên cạnh đó, nhập khẩu thép và phôi thép cũng ước tính ở mức thấp.

Trước ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, Fitch Ratings dự báo giá quặng sắt sẽ giảm trong nửa cuối năm 2020 do sản lượng quặng tại Brazil và Australia tăng lên, trong khi tăng trưởng kinh tế chậm lại. Fitch giả định giá quặng 62% Fe giảm còn 75 USD/tấn CFR Trung Quốc trong năm 2020 và hạ tiếp xuống 60 USD/tấn vào năm 2021.

Giá cả biến động mạnh từ đầu năm 2019 đến nay do gián đoạn nguồn cung tại Brazil và Úc, trong khi sản lượng từ Trung Quốc vẫn tương đối cao dù đại dịch COVID-19 lây lan mạnh.

Fitch cho rằng tốc độ tăng trưởng sản xuất có khả năng vượt quá nhu cầu, mặc dù một số thị trường có thể tái cân bằng và một số nhà máy luyện kim ở Trung Quốc có kế hoạch đóng cửa. Do đó, giá quặng sắt trong dài hạn có thể giảm xuống mức 55 USD/tấn. Ngoài ra, giá niken năm 2020 cũng có xu hướng tiếp tục giảm do hàng tồn kho tăng trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp.

PHẦN V

CHÍNH SÁCH TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

1. Chính sách các nước trên thế giới

Ngày 20/3, Cơ quan biên phòng Canada (CBSA) thông báo kết luận sơ bộ và áp thuế tạm thời trong vụ việc điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với thép chống ăn mòn từ một số nước, trong đó có Việt Nam.

Vụ việc này được Canada khởi xướng điều tra từ ngày 8/11/2019. Trong quá trình Canada điều tra vụ việc, các cơ quan Chính phủ Việt Nam và doanh nghiệp xuất khẩu đã phối hợp trả lời bản câu hỏi của phía Canada. **Canada sẽ áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời từ ngày 20/3/2020. Kết luận cuối cùng dự kiến được đưa ra vào ngày 18/6/2020.**

Cơ quan biên phòng Canada thông báo kết luận sơ bộ, rằng các doanh nghiệp Việt Nam bán giá phá sản phẩm thép chống ăn mòn sang thị trường Canada với biên độ từ 36,3% - 91,8% (mức thuế thay đổi theo từng doanh nghiệp cụ thể); Chính phủ không trợ cấp cho doanh nghiệp xuất khẩu (trợ cấp dưới mức tối thiểu), do đó các doanh nghiệp không bị áp thuế chống trợ cấp.

Mặc dù không bị áp thuế chống trợ cấp nhưng thuế chống bán phá giá của Việt Nam tương đối cao vẫn sẽ gây khó khăn cho xuất khẩu thép sang Canada trong thời gian tới. Trong kết luận sơ bộ, CBSA không sử dụng một số dữ liệu về giá, chi phí do các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp mà dùng số liệu thay thế, dẫn đến biên độ bán phá giá bị đẩy lên cao. Bộ Công Thương cho rằng, kết luận như vậy là chưa phản ánh đúng hoạt động của ngành thép Việt Nam.

Do đó trong thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hiệp hội thép Việt Nam và các doanh nghiệp liên quan để xử lý vụ việc.

Ngày 13/3, Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế Malaysia (MITI) thông báo **khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với một số mặt hàng thép mạ (tôn mạ) có xuất xứ từ Việt Nam**. Hàng hóa bị điều tra là thép cán dẹt không hợp kim, được phủ hoặc mạ nhôm hoặc kẽm, còn có tên gọi khác là thép mạ hoặc tôn mạ.

Trong đó, từ 1/4/2017, các sản phẩm có mã HS là 7210.61.11, 7210.61.12, 7210.61.19, 7210.61.91, 7210.61.92, 7210.61.99, 7212.50.23, 7212.50.24, 7212.50.29. Còn trước 1/4/2017 là các mã HS 7210.61.31, 7210.61.39, 7210.61.90, 7210.61.11, 7210.61.12, 7210.61.19, 7210.61.91, 7210.61.92, 7210.61.99, 7212.50.21, 7212.50.22.

Thời kì điều tra từ 1/8/2016 đến 31/7/2019. Đây là thời kì Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế Malaysia thu thập số liệu để tính toán biên độ phá giá của Việt Nam, thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước của Malaysia và mối quan hệ nhân quả.

Biên độ bán phá giá cáo buộc đối với Việt Nam là 39,27%. Các doanh nghiệp Việt Nam được nêu trong Hồ sơ yêu cầu gồm Hoa Sen, Nam Kim, Tôn Đông Á, Tân Phương Khanh, Tân Phương Nam, Maruichi Sun Steel. Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế Malaysia sẽ gửi Bản câu hỏi điều tra cho các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu được biết tới. Các doanh nghiệp chưa nhận được phải liên lạc để đề nghị cung cấp Bản câu hỏi trong trước ngày 3/4/2020 và nộp Bản trả lời câu hỏi trước 17h ngày 17/4/2020 (theo giờ Malaysia).

2. Chính sách của Việt Nam

Ngày 26/3, Cục Phòng vệ Thương mại, Bộ Công Thương cho biết, thời hạn để các doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện được miễn trừ nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ với phôi thép và thép dài đến ngày 24/4/2020.

Trước đó, ngày 20/3, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 918/QĐ-BCT về việc gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài có mã HS: 7207.11.00; 7207.19.00; 7207.20.29; 7207.20.99; 7224.90.00; 7213.10.10; 7213.10.90; 7213.91.20; 7214.20.31; 7214.20.41; 7227.90.00; 7228.30.10; 9811.00.00 nhập khẩu vào Việt Nam.

Thời gian	Phôi thép	Thép dài
Từ ngày 22/3/2020 đến ngày 21/3/2021	15,3%	9,4%
Từ ngày 22/3/2021 đến ngày 21/3/2022	13,3%	7,9%
Từ ngày 22/3/2022 đến ngày 21/3/2023	11,3%	6,4%
Từ ngày 22/3/2023 trở đi	0,0% (nếu không gia hạn)	0,0% (nếu không gia hạn)

Căn cứ Hiệp định Tự vệ của Tổ chức Thương mại Thế giới, biện pháp tự vệ có thể được gia hạn nếu cơ quan điều tra xác định việc gia hạn là cần thiết để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước và ngành sản xuất trong nước đang có những điều chỉnh theo kế hoạch.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư 37/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại, Cục Phòng vệ thương mại đề nghị các doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện được miễn trừ nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ với phôi thép và thép dài cho năm 2020, bao gồm các tài liệu được quy định tại Điều 14 và Phụ lục 03 Thông tư 37/2019/TT-BCT.

Hồ sơ đề nghị miễn trừ gửi về Cổng dịch vụ công trực tuyến theo địa chỉ <https://dichvucong.moit.gov.vn> hoặc gửi trực tiếp đến Cục Phòng vệ thương mại trước 17h ngày 24/4/2020.

NGUỒN THAM KHẢO

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA)	World Steel
Tổng cục Hải quan Việt Nam	Reuters
Viện Sắt thép Mỹ	MySteel
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Fitch
Cục phòng vệ Thương mại – Bộ Công thương	SteelHome
Steel Business Briefing	Eurofer

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường thép tháng 2/2020” được Biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

ĐỂ THEO DÕI CÁC BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI,
XIN TRUY CẬP ĐỊA CHỈ:

Báo cáo thị trường thép tháng 1/2020

Báo cáo thị trường thép năm 2019

Báo cáo thị trường thép tháng 11/2019

Mục “Báo cáo ngành hàng” của VietnamBiz

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG THÉP, XIN LIÊN HỆ TỚI ĐỊA CHỈ:

Trịnh Huyền Trang – TKTS phụ trách mục Hàng hóa – trang TTĐTTH VietnamBiz

Email: trangth@vietnambiz.vn

Hoặc liên hệ tới đường dây nóng:

Hotline: 0995222999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 3 - Tòa nhà Compa Building - 293 Điện Biên Phủ - P. 15 - Q. Bình Thạnh - TP.HCM

Chi nhánh: Số 5 - Khu 38A Trần Phú - P. Điện Biên - Q. Ba Đình - Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi

